

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016-8 - Vật lý đại cương 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Hữu Anh	Tuấn	3571011768	28/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
2	Nguyễn Minh	Kha	3671030100	06/10/1994	6,50	6,30	6,40	
3	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	,00	,00	,00	CT
4	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	7,50			
5	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	7,00	5,30	5,80	
6	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
7	Võ Ngọc	Sang	3671030341	04/10/1994	8,00	4,30	5,40	
8	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	,00	,00	CT
9	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	7,00	5,00	5,60	
10	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	7,00	3,80	4,80	
11	Bùi Nguyễn	Tĩnh	3671030524	15/02/1993	6,50	5,50	5,80	
12	Phạm Cao	Trí	3671030556	06/10/1994	8,00	,80	3,00	
13	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993	8,00	4,80	5,80	
14	Võ Văn	Hùng	3671030701	20/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
15	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	7,00			
16	Nguyễn Thành	Trung	3671030742	21/03/1994	9,00	3,30	5,00	
17	Trần Văn	Thao	3671030772	06/12/1993	8,00	5,30	6,10	
18	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994	9,00	6,00	6,90	
19	Nguyễn Văn	Anh	3671030818	23/03/1994	7,00	5,80	6,20	
20	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
21	Nguyễn Văn	Diệp	3671030984	20/07/1994	7,00	6,00	6,30	
22	Lê Ngọc	Huy	3671031076	28/09/1994	8,00	5,50	6,30	
23	Trần Doãn Út	Quyền	3671031096	20/05/1991	7,00	4,80	5,50	
24	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993	7,00	4,50	5,30	
25	Trần Quang	Huy	3671031179	20/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
26	Phan Thanh	Phúc	3671031273	01/09/1994	6,00	5,50	5,70	
27	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993	6,50			Nợ HP
28	Nguyễn Văn	Tùng	3671031282	29/11/1993	6,00	5,80	5,90	
29	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	7,00	5,50	6,00	
30	Nguyễn Văn	Bảo	3671031305	19/05/1994	7,50	4,30	5,30	
31	Lê Nhựt Vi	Quân	3671031464	11/04/1993	8,00	5,00	5,90	
32	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993	8,00	4,50	5,60	
33	Lê Nhật	Tân	3671031469	13/07/1994	6,00	5,00	5,30	
34	Lê Văn	Hậu	3671031488	06/04/1993	7,00			
35	Điệp Văn	Duy	3671031489	05/10/1993	9,00	5,00	6,20	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Việt Sơn	3671031495	26/06/1993	6,00	3,80	4,50	
37	Tạ Anh Phương	3671031497	22/05/1994	5,50	4,80	5,00	
38	Lê Hồng Vũ	3671031499	26/01/1994	9,00	5,80	6,80	
39	Trần Việt Tiến	3671031590	15/09/1994	7,00	3,00	4,20	
40	Nguyễn Ngọc Bảo	3671031597	10/03/1993	8,00	4,00	5,20	
41	Lưu Đức Toàn	3671040005	22/11/1994	5,00	3,30	3,80	
42	Lê Văn Lưu	3671040033	05/07/1994	8,00	5,30	6,10	
43	Trương Nguyễn Đức Vinh	3671040041	12/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
44	Nguyễn Anh Khang	3671040086	16/11/1994	8,00	6,00	6,60	
45	Trương Hoàn Lâm	3671040087	02/09/1994	9,00	6,30	7,10	
46	Trần Văn Dân	3671040118	22/07/1994	8,00	5,00	5,90	
47	Trần Quang Trung	3671040147	01/06/1993	8,00	6,00	6,60	
48	Phạm Lợi	3671040193	19/03/1994	8,00	6,50	7,00	Nợ HP
49	Nguyễn Văn Đệ	3671040218	06/11/1994	7,00	4,00	4,90	
50	Phạm Công Hưng	3671040332	16/10/1993	8,00	4,80	5,80	
51	Võ Minh Cương	3671040422	08/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
52	Nguyễn Văn Dĩnh	3671040445	16/07/1992	6,50	4,00	4,80	
53	Nguyễn Việt An	3671040452	30/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
54	Nguyễn Nhật Minh	3671040535	09/04/1994	7,00	4,50	5,30	
55	Phạm Minh Hồng Đại	3671040574	05/09/1994	8,00	5,00	5,90	
56	Trần Tấn Vũ	3671040647	18/08/1994	8,00	5,50	6,30	
57	Bùi Văn Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	CT
58	Nguyễn Xuân Diệu	3671040965	20/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
59	Phan Thế Mạnh	3671040975	11/06/1993	7,00	6,00	6,30	
60	Trần Anh Dũng	3671041133	03/10/1994	7,00	5,80	6,20	
61	Đồng Anh Khoa	3671041170	09/03/1992	7,00	4,80	5,50	
62	Nguyễn Hoàng Tú	3671041635	12/02/1994	7,00	4,30	5,10	
63	Hoàng Minh Tài	3671041856	20/08/1994	7,00	5,30	5,80	
64	Tô Minh Quý	3671041885	07/12/1994	7,00	4,30	5,10	
65	Võ Văn Vinh	3671041893	08/03/1993	6,00	4,50	5,00	
66	Trần Khải Cường	3671041895	21/05/1993	9,00	4,50	5,90	
67	Nguyễn Hữu Cơ	3671041981	20/04/1994	7,00			
68	Trần Xuân Dưỡng	3671042018	08/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
69	Xanh Phối Linh	3671042045	10/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
70	Lê Văn Tiến	3671042048	28/01/1993	7,00	4,80	5,50	
71	Lê Đức Huy	3672050034	04/03/1994	7,00	5,80	6,20	
72	Nguyễn Trung Trục	3672050050	18/12/1994	8,00	3,00	4,50	
73	Phạm Việt Việt	3672050094	12/09/1993	8,00	4,50	5,60	
74	Nguyễn Văn Cầm	3672050171	09/03/1994	8,00	5,50	6,30	
75	Bùi Văn Út	3672050238	26/03/1994	7,50	2,80	4,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	8,00	4,50	5,60	
77	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
78	Lê Minh	Thiện	3672050579	10/05/1993	7,00	4,80	5,50	
79	Võ Văn	Tuấn	3672050974	01/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
80	Nguyễn Hoài	Nam	3672051274	11/03/1994	8,00	5,30	6,10	
81	Nguyễn Hoàng	Sơn	3672051607	16/08/1994	8,00	4,80	5,80	
82	Nguyễn Văn	Hòa	3672051629	20/04/1994	9,00	3,30	5,00	
83	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994	7,00	5,50	6,00	
84	Dương Tấn	Ngọc	3672051957	18/03/1993	8,00	6,80	7,20	
85	Trần	Phương	3672052038	09/04/1993	8,00	4,00	5,20	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)